TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 713/2024/DS-PT
Ngày 05 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: bà Phạm Thị Duyên

ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 479/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2466/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hữu Q (Quí), sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số I ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: C T, Ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: E đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền ngày 26/01/2021 tại văn phòng C1);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Lệ H2, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Sau nhà D đường R, B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Hữu V, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Ông Trần Hữu Q, sinh năm 1967 (Giấy uỷ quyền ngày 09/12/2015 tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

4. Bà Võ Thị Bích H3, sinh năm 1977 (vắng mặt);

5. Trẻ Hoàng Anh T1, sinh năm 2013 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Hoàng Anh T1: Bà Võ Thị Bích H3 (vắng mặt);

6. Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: A4-A8 đường C, Cư xá B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Tây G, Cán bộ Tư pháp – Hộ tịch (Theo giấy uỷ quyền số 677/GUQ-UBND ngày 18/9/2023) (vắng mặt);

7. Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Trụ sở: 474 đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Hoàng V1 (Theo Giấy uỷ quyền ngày 03/6/2022) (vắng mặt);

8. Văn phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: E đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh H4 – Trưởng Văn phòng (vắng mặt);

9. Văn phòng C4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Đia chỉ: 25/5 đường H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Thạch Sa R, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Phạm Công T2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện T tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Trần Hữu Q và bị đơn là bà Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn – ông Trần Hữu Q trình bày:

Cha ông Q là cụ Trần Văn X chung sống với mẹ ông cụ Nguyễn Thị T3, chết năm 2015, có 01 con chung là ông Trần Hữu Q, sau đó cụ X kết hôn với cụ Võ Thị C, có 03 người con chung gồm: ông Trần Hữu V, bà Trần Lệ H2, ông Trần Hữu Q1 (đã chết năm 2011, có 1 con tên Trần Hữu P). Cụ X và cụ Võ Thị C đã ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1984.

Sau khi ly hôn, cha ông chung sống với cụ Nguyễn Thị L vào năm 1995, ông bán căn nhà ở H của mình và mua căn nhà số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/8/2003, Ủy ban nhân dân Quận A1 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số CH 01821 cho cụ X và cụ L đứng tên. Cho đến khi mất, giữa cụ L với cha ông chung sống, nhưng không có con cái.

Ngày 21/11/2003, cụ X và cụ L đã lập di chúc bằng chính chữ viết và chữ ký của mình tại Ủy ban Nhân dân Phường A Quận A, với nội dung là "sau khi cụ X qua đời, thì cụ L vẫn được ở và sử dụng căn nhà nói trên để làm nhà ở và cho thuê để sinh sống; Sau khi cụ L qua đời thì nhà đó được giao cho con ông là Trần Hữu V được quyền quản lý căn nhà, để cho các con của ông được ở, nhưng không được bán nhà đó để làm nơi thờ tự".

Ngày 21/10/2004, cụ X và cụ L lập lại di chúc lần thứ hai, giữ nguyên nội dung di chúc năm 2003, nhưng đổi tên cho ông Trần Hữu Q được quyền quản lý nhà đó sau khi cụ X và cụ L lần lượt qua đời.

Những việc để lại di chúc cho ông Q thì ông Q không hay biết. Năm 2010, cha ông qua đời, ông có đến Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A để tìm hiểu việc lập di chúc của cha ông đối với căn nhà trên, thì được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A cho biết cha ông có lập di chúc để lại cho ông căn nhà này vào năm 2004, để dùng vào việc thờ cúng. Ông có xin sao y lại bản di chúc đó. Ông tôn trọng di chúc nên để cho cụ Liên tiếp t ở căn nhà từ sau khi cha ông đã qua đời vào năm 2010, và các anh em của ông không có ai có tranh chấp gì với cụ L cả.

Đến ngày 05/5/2010, cụ L kê khai di sản thừa kế tại Văn phòng C3, sau đó Chi nhánh Văn phòng Đ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà cho cụ L đứng tên sở hữu toàn bộ căn nhà 5 T, Phường A, Quận A vào ngày 03/6/2010.

Ngày 23/3/2011, cụ Nguyễn Thị L lập di chúc tại Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh để thừa kế lại cho bà Ngô Thị H là cháu ruột của cụ L, hưởng toàn bộ nhà đất đó.

Ông Q có đến Phòng C5 ngăn chặn, nhưng Phòng Công chứng lại cho rằng cụ Nguyễn Thị L là người thừa kế hợp pháp tài sản theo di chúc ngày 12/4/2006. Nên Phòng Công chứng này đã công chứng di chúc của cụ L để toàn bộ căn nhà

của cha ông Q cho bà H được hưởng thừa kế, trong khi bà H không có họ hàng gì và có liên quan gì đến huyết thống gia đình ông cả.

Ông nghi ngờ có sự gian dối trong tờ di chúc ngày 12/4/2006, mà cha ông lập cho cụ L, hoặc có sự gian dối tự ngụy tạo giả chữ ký của cha ông, hoặc có sự mờ ám trong nội dung di chúc này, cũng như Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A đã có chứng thực không trung thực trong quá trình lập tờ di chúc năm 2006. Việc định đoạt căn nhà trái hoàn toàn ý nguyện của cha ông, vì cha ông luôn có ý thức để căn nhà dùng làm nơi thờ tự, khi mà cụ L chung sống với cha ông cũng không có con cái. Khi còn sống cha ông thường hay tâm sự với bà con lối xóm, ai cũng biết là cha ông dùng nhà này làm nơi thờ phụng, sau khi qua đời để nhà cho các con được ở chung nếu anh em ông không có nhà ở, nhưng không được bán nhà. Nay Ông yêu cầu hủy bỏ tờ di chúc ngày 12/4/2006 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A chứng thực.

Ông Q cho rằng Di chúc không hợp pháp với lý do người làm chứng ông Thạch Sa R không có ký tên, viết nội dung làm chứng trên tờ Di chúc ở phần nhân chứng 1. Ông Nguyễn Công T4 xác nhận có được nhờ ký tên, nhưng cũng không biết nội dung ký lên hồ sơ là việc gì. Ủy ban nhân dân chứng thực sai khi cụ X thực tế không có lập bản di chúc trái nguyện vọng của mình. Bản thân cụ X có thói quen tự soạn thảo đơn từ vì ông là người rành giỏi chữ nghĩa, không cần nhờ người làm chứng. Trong khi tờ di chúc ngày 12/4/2006, lại thể hiện cha ông là một người hoàn toàn không biết đọc, biết viết; việc thể hiện nguyện vọng cho những người làm chứng, không rõ ai là người đánh máy di chúc, để hai người làm chứng mỗi người đều đọc cho cha ông nghe là không đúng sự thật. Việc mượn người làm chứng là không đúng, vì theo đại diện bà H cho rằng khi lập di chúc, cha ông có đầy đủ năng lực lập di chúc, vì có giấy chứng nhận tâm thần, nhưng điều đó càng thể hiện sự sai trái ở việc lập tờ di chúc đó, khi cha ông hoàn toàn khỏe mạnh thì không thể nào không viết được và không tự đọc được di chúc, để cụ L và cha ông phải mời làm người làm chứng đọc di chúc đó và xác nhận di chúc đọc giùm cho cha ông nghe việc Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, khi chứng thực đã xác nhận "cụ X cùng hai người làm chứng lập di chúc..." càng cho thấy rõ ràng có sự can dự của người khác, vào việc lập di chúc này ngoài ý của cha ông. Vì cả hai người làm chứng đều cho rằng bản thân họ không biết nội dung gì của việc này.

Về việc chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A lúc thì xác nhận có 02 người làm chứng đọc cho cụ X nghe, (ở trang thứ 2), nhưng ở trang 3 tờ di chúc này, Ủy ban lại chứng nhận rằng cụ X đã tự đọc di chúc trước mặt người chứng thực, nên mâu thuẫn với bản di chúc ngày 12/4/2006, cụ X không thể tự lập di chúc được, mù chữ không đọc được và không thể tự viết di chúc đó, lại đi mời người làm chứng cùng lập di chúc. Ông yêu cầu Tòa án xem xét sự mâu thuẫn trầm trọng của tờ di chúc ngày 12/4/2006.

Ông Q yêu cầu Tòa án xét xử:

1. Hủy di chúc được chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số 07; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 12/4/2006 vì di chúc không hợp pháp;

2. Đề nghị công nhận di chúc số 19; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 21/10/2004 được Chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật. Giao lại căn nhà nói trên cho ông Trần Hữu Q để thực hiện ý nguyện để lại thừa kế của cụ X theo di chúc năm 2004.

3. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L, có số Công chứng 009898 quyển số 02TP/CC-SCC/ĐS, ngày 05/05/2010, do Phòng C6 chứng thực; Hủy di chúc số công chứng 011472, quyển số 03TP/CC-SCC/DC, ngày 23/3/2011 do Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực của cụ Nguyễn Thị Liên t1 cho căn nhà 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Ngô Thị H.

4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp: CH00120, do Ủy ban nhân dân Quận A1 cấp ngày 03 tháng 6 năm 2010 cho cụ Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Trần Hữu Q có ý kiến cho rằng nếu di chúc năm 2006 không hợp pháp, thì di chúc ngày 23/3/2011, của cụ L cho bà H toàn bộ nhà là bị vô hiệu, ông yêu cầu chia ½ di sản là căn nhà đang tranh chấp số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của cha ông cho anh em ông theo quy định pháp luật. Ông đề nghị các anh em của ông được là đồng sở hữu tài sản với bà Ngô Thị L1 trên giấy chứng nhận nhà đất nói trên, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Ngô Thị H có người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị Thu H1 trình bày:

Cụ Nguyễn Thị L là dì ruột của bà Ngô Thị H. Cụ L là vợ hợp pháp có chứng nhận kết hôn với cụ X. Cụ L cũng là đồng sở hữu căn nhà số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với cụ X trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 12/4/2006, bà H cùng cụ X ra Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A và mời hai người làm chứng lập di chúc để lại căn nhà số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho cụ Nguyễn Thị L được hưởng phần sở hữu của cụ X, nên dù trước đây hai người cụ X và cụ L có lập di chúc năm 2003 và bản di chúc năm 2004 cho các con cụ X được quyền ở và thờ tự. Sau khi cụ X chết, cụ L đã kê khai di sản thừa kế đối với tài sản nói trên một cách hợp pháp và đã được Ủy ban nhân dân Quận A1 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho mình. Ngày 23/3/2011, cụ L lập di chúc tại Phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh, để toàn bộ nhà đất nói trên cho bà Ngô Thị H được toàn quyền sở hữu. Vì vậy việc bà H được quyền sở hữu nhà đất trên là hợp pháp. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Q, công nhận di chúc ngày 12/4/2006, và công nhận toàn bộ quy trình kê khai di sản cũng như di chúc của cụ Nguyễn Thị L để lại cho bà Ngô Thị H là hợp pháp, công nhận quyền thừa kế của bà H đối với căn nhà số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Không đồng tình với lời biện bộ

của Luật sư của ông Q, vì ông Thạch Sa R và ông Nguyễn Công T4 đã làm chứng, mà nay dù hai người này phủ nhận ngược lại là không viết hoặc không biết gì, thì cũng không có cơ sở chứng minh là hai ông này có không làm chứng trong tờ di chúc đó. Việc khai ngược với sự thật cũng không có gì xác nhận là đúng với sự thật là họ đã từng ký làm chứng trên di chúc tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A; đã có chứng thực là hai người làm chứng nói trên và cụ X đã ký tên vào di chúc. Di chúc đã được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, chứng thực chữ ký của cụ X là hợp pháp rồi, là cũng đã đúng thủ tục rồi, việc có làm chứng cũng chỉ phụ thêm thôi. Tờ di chúc ngày 12/4/2006 mới là định đoạt cho cụ L được toàn quyền sở hữu nhà đất, đây là ý chí của cụ X khác với những ý trước đó ông chỉ cho các con ông được quyền sử dụng tài sản đó chứ không được quyền bán. Cụ L là đồng sở hữu tài sản nhà đất nói trên thì việc cụ L đổi ý định đoạt cho con cháu bà là quyền của bà theo quy định pháp luật, nên đề nghị Tòa án công nhận quyền hưởng di chúc của bà H là hợp pháp.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia thừa kế của ông Q do yêu cầu của ông không có căn cứ, cụ thể: Bác yêu cầu về việc ông Q xin hủy di chúc số 07; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 12/4/2006; Bác yêu cầu của ông Q đề nghị công nhận di chúc được Chứng thực số 19; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 21/10/2004. Yêu cầu Tòa công nhận di chúc số 07; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 12/4/2006 có hiệu lực. Công nhận quyền sở hữu nhà đất của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A ủy quyền cho bà Nguyễn Thùy D có bản tự khai theo công văn số 866 ngày 10/7/2018 có nội dung như sau:

Ngày 21/11/2003, Ủy ban nhân dân phườnA có tiến hành thủ tục chứng thực di chúc cho cụ Trần Văn X và cụ Nguyễn Thị L địa chỉ 5 T Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Điều 655, Điều 658, Điều 661 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Trong số chứng thực di chúc tại số chứng thực 10 quyển số 01/TP/CC/DCTC ngày 21/11/2003 có nội dung "Sau khi cụ X chết thì phần tài sản của ông trong căn nhà 5 T giao cho cụ L quản lý sử dụng. Sau khi cả cụ X và cụ L chết thì căn nhà 56/18 Tô Hiến T5 giao cho ông Trần Hữu V quản lý sử dụng".

Ngày 27/10/2004, Ủy ban nhân dân phườnA có tiến hành thủ tục chứng thực di chúc cho cụ Trần Văn X và cụ Nguyễn Thị L. Trong số chứng thực di chúc tại số chứng thực 19, quyển số 01/TP/CC/DCTC ngày 27/10/2004 có nội dung "Sau khi cụ X chết thì căn nhà 5 Tô Hiến Thành P Quận A giao cho cụ L quản lý sử dụng. Sau khi cụ X và cụ L chết thì căn nhà giao cho con ông bà là Trần Hữu Q được quyền quản lý sử dụng". Tại phần ghi chú có ghi "Thay thế cho di chúc đã lập ngày 21/11/2003 tại A Quận A.

Ngày 12/4/2006, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A chứng thực cho Cụ Trần Văn X địa chỉ 5 T, Phường A, Quận A căn cứ theo Điều 656, Điều 657 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong số chứng thực di chúc chứng thực 07/TP/CC/DCTC ngày 12/4/2006 có nội dung "Sau khi cụ X chết thì phần tài sản

thuộc sở hữu của ông trong căn nhà 5 T sẽ được giao cho cụ Nguyễn Thị L toàn quyền sở hữu".

2. Bà Võ Thị Bích H3 không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án có đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

3. Văn phòng C4, Thành phố Hồ Chí Minh có bản khai: cho rằng đã thực hiện đúng quy định pháp luật về công chứng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Q về việc xin hủy bỏ di chúc số công chứng 011472 quyển số 03/TP/CC/HĐGD ngày 23/3/2011 của cụ Nguyễn Thị L tại Văn phòng C4. Ông Q không có chứng cứ nào chứng minh cũng như không chỉ ra sự lừa dối giả tạo của bản di chúc ngày 12/4/2006 ở điểm nào, ông cũng không khởi kiện để yêu cầu hủy bỏ bản di chúc đó trong khi di chúc đỡ là một những căn cứ để thực hiện thủ tục công khi di sản công chứng số 009898 ngày 05/5/2010. Ông Q cũng không nêu được căn cứ chứng minh di chúc của cụ L lập năm 2011 là bất hợp pháp nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ việc công nhận di chúc của cụ L ngày 23/3/2011 lập tại Phòng C5. Văn phòng C4 đã thực hiện đúng quy định pháp luật về công chứng và xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

4. Văn phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh có bản khai trình cho rằng: đã thực hiện thủ tục kê khai di sản của cụ Nguyễn Thị L là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc xin hủy bỏ văn bản kê khai di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L tại Văn phòng C3. Văn phòng có đơn xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người làm chứng:

1. Ông Thạch Sa R trình bày tại bản tự khai: ông hoàn toàn không có làm chứng gì trong tờ di chúc ngày 12/4/2006, chữ viết, chữ ký trên tờ di chúc không phải của ông. Ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng do ông ở tỉnh Trà Vinh và bận việc đi làm.

2. Ông Nguyễn Công T4 trình bày tại bản tự khai: ông không nhớ thời gian năm nào khi ông đang là sinh viên năm thứ nhất, được ông chủ nhà trọ nhờ làm chứng và có ký vào hồ sơ, nhưng nội dung không có đọc. Ông không có liên quan gì vấn đề trên, nên xin vắng mặt tại Tòa do ở xa và bận việc.

Ngày 11/5/2021, Tòa án nhân dân Quận 10 chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Nhận thấy kết quả giám định số 535/KL-GĐ-TT ngày của cơ quan giám định Phòng K Công an Thành phố H do Tòa án nhân dân Quận 10 yêu cầu trưng cầu giám định, đã có sự nhầm lẫn trong việc giám định chữ ký của ông Thạch Sa R, trên các tài liệu cần so sánh, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn 5239/TATP- TLĐ ngày 18/10/2023, yêu cầu giám định lại chữ viết, chữ ký của ông Thạch Sa R trên bản chính tờ di chúc ngày 12/4/2006, với tài liệu dùng làm mẫu so sánh là bản tự khai của ông Thạch Sa R, và tờ photo bản di chúc có chữ viết sống bằng mực của ông Thạch Sa R có dòng chữ " Tôi xác định đây không phải là chữ viết và chữ ký của tôi".

Theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 5620/2022/QĐ-CCTLCC ngày 13/10/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gửi Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, yêu cầu cung cấp toàn bộ bản chính hồ sơ chứng thực di chúc của cụ Trần Văn X và cụ Nguyễn Thị L lập ngày 21/11/2003, và di chúc lập ngày 27/10/2004, toàn bộ bản chính hồ sơ chứng thực di chúc của cụ Trần Văn X lập ngày 12/4/2006 của cụ Trần Văn X.

Kết quả theo Công văn số 584/UBND ngày 17/7/2023, Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A cho biết: hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A hiện tại "không tìm thấy bản lưu di chúc của cụ Trần Văn X như văn bản yêu cầu cung cấp của quý Tòa. Do đó Ủy ban nhân dân phường không thể cung cấp".

Tuy nhiên trước đó, vào ngày 25/7/2016, bà Nguyễn Thùy D, Cán bộ Tư pháp Phường 15, Quận A có làm thủ tục bàn giao cho Tòa án nhân dân Quận 10, mượn toàn bộ hồ sơ liên quan việc chứng thực và bản chính di chúc tên cụ Trần Văn X ngày 12/4/2006. Giữa Tòa án Quận A và đại diện Ủy ban Phường, có ký giao nhận cho Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh mượn vào ngày 03/6/2016. Trong đó có bản di chúc tên cụ Trần Văn X. Phía dưới bản photo phiếu nhận giao hồ sơ, ngày 27/6/2018, bà D đã ký nhận lại toàn bộ hồ sơ bản chính ba bản di chúc năm 2003, năm 2004, và năm 2006, và các giấy tờ tài liệu liên quan đến việc lập di chúc (bút lục 318, 319), trong đó chỉ có giấy chủ quyền nhà và chứng minh nhân dân của các bên được ghi là bản photo, do Tòa án nhân dân Quận 10 giao trả lại cho bà D đại diện nhận lại cho Ủy ban nhân dân PhườnA.

Phía bị đơn bà H trong suốt quá trình tố tụng đã không có giữ bản chính tờ di chúc ngày 12/4/2006, để giao nộp cho Tòa án để thực hiện giám định lại. Qua liên hệ Chi nhánh Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang lưu giữ 01 bản chính di chúc ngày 12/4/2006 của cụ X, nhưng cơ quan này không cho mượn ra ngoài đơn vị, vì đây là tài liệu lưu trữ để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, nên chỉ cho cơ quan giám định và Tòa án xem xét tại chỗ, chứ không giao nộp chứng cứ này cho Tòa án. Nên Tòa án đã lập biên bản xem xét di chúc bản chính nói trên tại Chi nhánh Văn phòng Đ cùng với việc xem xét giám định của cán bộ Phòng Giám định Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/10/2023.

Kết quả giám định của Phân Viện Khoa học Hình sự số 6861/KL KTHS ngày 26/12/2023, cho thấy "không đủ cơ sở để kết luận về chữ ký chữ viết của ông Thạch Sa R "mục nhân chứng 1" (trên di chúc năm 2006) có phải hay không phải do cùng một người ký, viết ra".

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 94, 95, 96, 97, khoản 2 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 646, Điều 652, Điều 653, Điều 654, Điều 656, Điều 623, Điều 658, Điều 666, khoản 4 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 138, khoản 4 Điều 643, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 659, Điều 660 Bộ luật Dân sự

năm 2015; Điều 48, Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và danh mục kèm theo.

Tuyên xử:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hữu Q:

1. Vô hiệu Di chúc tên cụ Trần Văn X chứng thực số 07; Quyển số 01/PP/CC/DCTC ngày 12/4/2006, tại Ủy ban Nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L, số công chúng 009898 quyển số 02TP/CC-SCC/ĐS, ngày 05/05/2010, tại Phòng C6 chứng thực;

3. Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị L để lại toàn bộ căn nhà 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Ngô Thị H, số công chứng 011472, quyển số 03TP/CC-SCC/DC, ngày 23/3/2011 tại Phòng C5, TP HCM chứng thực, bị vô hiệu 1 phần.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hữu Q về việc hưởng thừa kế của cụ Trần Văn X theo nội dung Di chúc ngày 21/10/2004, chứng thực số 19; Quyển số 01/PP/CC/DCTC, tại Ủy ban Nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về di sản thừa kế: Nhà đất số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số CH 01281 ngày 26/8/2003 là di sản thuộc đồng sở hữu của cụ Trần Văn X và cụ Nguyễn Thị L chết để lại.

6. Chia di sản thừa kế theo pháp luật như sau:

6.1. Xác định các hàng thừa kế thứ nhất của cụ X gồm cụ Nguyễn Thị L, ông Trần Hữu Q, ông Trần Quang V2, bà Trần Lệ H2, ông Trần Hữu V (đã chết) có con là ông Trần Hữu P (kế thừa), là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn X.

6.2. Chia cho các thừa kế theo pháp luật gồm cụ Nguyễn Thị L, ông Trần Hữu Q2, ông Trần Quang V2, bà Trần Lệ H2, ông Trần Hữu P, phần di sản của ông X1 là ½ căn nhà, cụ thể mỗi người được hưởng 10% giá trị căn nhà.

6.3. Xác định phần di sản của cụ Nguyễn Thị L là 60% giá trị nhà Bà Ngô Thị H được hưởng kỳ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị L theo di chúc có hiệu lực là 60% giá trị nhà 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số CH 00120 ngày 03/6/2010 mà Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp cho cụ Nguyễn Thị L đứng tên.

7. Các đồng thừa kế gồm ông Trần Hữu Q, ông Trần Quang V2, bà Trần Lệ H2, ông Trần Hữu P được quyền yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật thay đổi nội dung để cùng đứng tên sở hữu chung với bà Ngô Thị H trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số CH 00120

ngày 03/6/2010, do Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp cho cụ Nguyễn Thị L đứng tên.

8. Phân chia giá trị hiện kim cho tất cả các thừa kế theo giá nhà tại thời điểm bán phát mãi căn nhà nói trên. Các bên có quyền yêu cầu phân chia kỷ phần thừa kế của mình theo tỷ lệ đã chia trong bản án đã tuyên, tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

9. Giải tỏa Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2015/QĐ BPKCTT ngày 08/6/2015 "Cấm chuyển dịch căn nhà số E T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh" theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số CH 00120 ngày 03/6/2010 để các bên thực hiện việc phát mãi để phân chia di sản thừa kế.

10. Giải tỏa Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 05 ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh P1, Số Tài khoản tiết kiệm 042.500.052.60007 ngày 08/6/2015. Ngân hàng Thương mại cổ phần N Chi nhánh P1 hoàn trả lại cho ông Q số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và các khoản tiền lãi phát sinh (nếu có) từ khi mở tài khoản cho đến khi thanh toán xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 28/3/2024, bị đơn bà Ngô Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/4/2024, nguyên đơn ông Trần Hữu Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Hữu Q, bị đơn bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cụ thể cả nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm vì không có bản chính di chúc trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo bản án sơ thẩm, tất cả các di chúc đều vô hiệu và được chia di sản theo pháp luật. Qua kết quả tranh tụng tại phiên toà, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện di chúc năm 2006 có hình thức nội dung chứng thực đúng quy định pháp luật, nhưng không có bản chính trong hồ sơ. Căn cứ công văn của Chi nhánh Văn phòng Đ, trong thành phần hồ sơ lưu trữ làm giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà có lưu trữ bản chính di chúc này tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, phù hợp với di chúc năm 2006. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án thể hiện chưa thu thập bản chính của di chúc này nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử thu thập thêm chứng cứ là bản chính di chúc năm 2006.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

+ Kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu Q, bị đơn bà Ngô Thị H làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, hoặc xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn khai năm 2004 cụ X và cụ L lập di chúc để lại căn nhà 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trần Hữu Q sau khi cụ X và cụ L qua đời.

Bị đơn khai năm 2006 cụ X đến tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A lập di chúc để lại cho cụ L được hưởng phần sở hữu của cụ X đối với căn nhà 5 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi cụ X qua đời.

Cả nguyên đơn, bị đơn đều không xuất trình được cả 02 bản chính di chúc năm 2004 và di chúc năm 2006.

Vậy, chứng cứ của vụ án này là các di chúc năm 2004, di chúc năm 2006. Để có căn cứ xác định cụ X di chúc cho ông Q hay cụ L đối với căn nhà trên theo di chúc 2004 hay di chúc 2006 cần phải xem xét tính hợp pháp của các di chúc trên. Để đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác thì phải có các bản chính của các di chúc mà các đương sự đã nêu. Thế nhưng, hồ sơ vụ án không có các bản chính của các di chúc này. Lý do, Toà án cấp sơ thẩm không thu thập được chứng cứ trên là do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A (nơi các đương sự khai cụ X đến chứng thực) đã có thông báo về việc không còn lưu trữ bản chính để cung cấp cho Toà án; Theo nhận định của Toà án cấp sơ thẩm thì bản di chúc chính hiện tại Chi nhánh Văn phòng Đ đang lưu trữ, nhưng Chi nhánh Văn phòng Đ không đồng ý cung cấp cho Toà án. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào bản di chúc photo có đối chiếu bản chính của Toà án nhân dân Quận 10 vào ngày 03/6/2016 và bản di chúc của Toà án cấp sơ thẩm đã sao chụp từ Chi nhánh Văn phòng Đ để xét xử là chưa có cơ sở vững chắc để đánh giá chứng cứ như nhận định trên. Hơn nữa, tại phiên toà phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng bản di chúc photo mà Toà án cấp sơ thẩm dùng để làm chứng cứ giải quyết vụ án là không đúng với bản di chúc chính (bản gốc). Do vậy, cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: tại Điều 7 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Trách nhiệm cung cấp tài liệu chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá*

nhận có thẩm quyền: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đử và đúng hạn cho đương sự, Toà án, Viện kiểm sát nhân dân tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Toà án, Viện kiểm sát theo quy định của bộ luật này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu chứng cứ đó; Trường hợp không cung cấp thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đương sự, Toà án, Viện kiểm sát."; Và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc "*yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ: ...Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Toà án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Toà án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Toà án mà không có lý do chính đáng thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với cơ quan, tổ chúc, cá nhân không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà*."

Đối chiếu quy định trên, khi giải quyết lại sơ thẩm vụ án Toà án cấp sơ thẩm nếu thấy cần thiết có thể áp dụng điều luật trên và kiến nghị cơ quan cấp trên trực tiếp của các cơ quan không phối hợp cung cấp chứng cứ để xử lý theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này, việc bản án sơ thẩm bị huỷ là lỗi khách quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên ông Trần Hữu Q và bà Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu Q và bà Ngô Thị H;

Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 22/3/2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Hữu Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Hữu Q 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0032856 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ; (9)
- Người làm chứng; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên